TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2025
V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Trương Thoại Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 6 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đinh Văn L, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ sau sáp nhập: ấp P, xã P, Thành phố Cần Thơ; căn cước công dân số: 094075015804

- *Bị đơn*: Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ sau sáp nhập: ấp P, xã P, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn là ông Đinh Văn L và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên

tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn Đinh Văn L và bị đơn là bà Đặng Thị N1 chung sống với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi đám cưới hai vợ chồng sống chung tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã P, Thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc và có với nhau một người con chung tên Đinh Văn T, sinh ngày 05/7/2004. Tuy nhiên, thời gian sau ông, bà thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, thiếu sự quan tâm chăm sóc dẫn đến tình cảm rạn nứt, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông, bà đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Về con chung: Anh Đinh Văn T, sinh ngày 05/7/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Đinh Văn L đã nộp bản chính Giấy xác nhận về việc trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Giấy khai sinh của anh Đinh Văn T (Bản sao y công chứng).

* Bị đơn bà Đặng Thị N1: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của Đinh Văn L tại Thông báo thụ lý vụ án số: 91/TB-TLVA, ngày 14 tháng 4 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho bà N1, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà N1 đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà. Nhưng bà không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông L và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà N1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là ông Đinh Văn L thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là bà Đặng Thị N1 vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L, về việc yêu cầu không công nhận quan hệ sống chung giữa ông và bị đơn là bà Đặng Thị N1 là vợ chồng, về con chung có một người con chung là anh Đinh Văn T, sinh ngày 05/7/2004, hiện đã trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung, nợ chung đương sự tự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Văn L lập ngày 30 tháng 12 năm 2024 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn L nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn L và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2024 ông Đinh Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Đặng Thị N1 và bà N1 cư trú tại địa chỉ ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp P, xã P, Thành phố Cần Thơ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ (trước sáp nhập là Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng) theo quy định tại Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn N2 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Ng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Ng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đinh Văn L trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung giữa các đương sự như sau: Nguyên đơn và bị đơn Đặng Thị N1 có tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nguyên đơn và bị đơn có chung với nhau một người con chung là anh Đinh Văn T. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn L phù hợp với đơn xin xác nhận đề ngày 02

tháng 01 năm 2025 của nguyên đơn và giấy khai sinh của anh T mà nguyên đơn L1 đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*" nên Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật.

[4] Trong quá trình sống chung, ông L1 và bà N1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, ông L1 thừa nhận trong thời gian chung sống như vợ chồng cho đến nay ông và bà N1 vẫn không đăng ký kết hôn và cũng tại Giấy xác nhận trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã P đề ngày 02 tháng 01 năm 2025 đã xác nhận sổ lưu trữ kết hôn của Ủy ban xã không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của ông L1 và bà N1.

Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng" và tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cũng quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*" . Nên việc ông Đinh Văn L yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông và bà N1 là vợ chồng là có căn cứ.

[5] Do quan hệ giữa ông L và bà N1 không được công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề mức độ và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống theo yêu cầu của ông L.

[6] Về con chung là anh Đinh Văn T, sinh ngày 05/7/2004 đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng và có khả năng lao động; về tài sản chung và nợ chung ông L tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ

[8] Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L:

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn L và bà Đặng Thị N1.

1.2. Về con chung: Do anh Đinh Văn T đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đinh Văn L tự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Văn L phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005903 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6). Ông L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đinh Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Đặng Thị N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS Khu vực 6 ;
- UBND xã PT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ